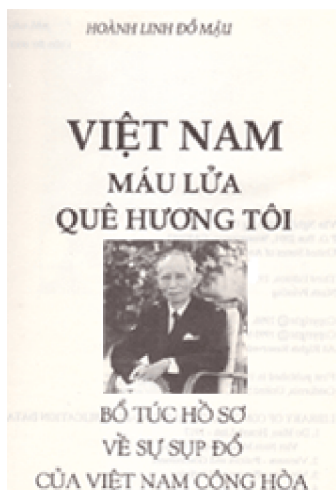


(Vài lời của người viết : Đây là bài “điểm sách” đã viết cách đây hơn 20 năm , nhưng vì chưa được phổ biến nhiều, nên xin đăng lại để cống hiến quý độc giả. Dù một bài “điểm sách” đã mất tính thời sự, nhưng các vấn đề nêu ra vẫn chưa hề cũ ! - Nvh.)

Vài Cảm Nghiệm Qua Đọc Luận về Tác Phẩm “Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi” của Đỗ Mậu (1)

Nguyễn Văn Hóa

Thái độ trước khi viết:



Đây là hình mặt trong của cuốn hồi ký 'VNMLQHT' ấn bản lần thứ 3 (1993) do nhà Văn Nghệ phát hành –do tôi tự 'layout' lại. Ấn bản đầu tiên (1986) do tác giả ĐM ký tặng tôi một thời gian sau khi bài viết này đã được phổ biến, nhưng gần đây tôi đã tặng cho một người khác.

Tôi không quen biết ông Đỗ Mậu, nhưng biết ông có tham gia trong cuộc đảo chánh chế độ Tổng thống Diệm năm 1963. Tình cờ ghé chơi nhà một người bạn ở vùng Berkeley, anh này có đem ra khoe tôi cuốn sách bìa cứng dày cộm của ông Đỗ Mậu mới vừa gửi tặng. Thấy sách và biết là cuốn hồi ký chính trị của một người đứng đầu ngành 'an ninh quân đội' của chế độ, tôi lấy làm thích thú và hỏi mượn đọc, nhưng anh này từ chối và nói rằng chưa đọc xong. Về sau có người bạn lớn tuổi hơn là nhà văn/học giả Vũ thể Ngọc cho mượn đọc (Ông VTN là chủ bút tờ báo Việt ở SJ.) –một người tôi quen biết do một lời rao mời gọi cộng tác làm báo qua Hội Ái hữu SV Đại học VH. Lần đầu gặp mặt, chị VTN đã làm một bữa cơm tối tiếp đón tôi thật thịnh trọng, làm tôi cảm động pha chút ái ngại. Hôm ấy còn có mặt một người bạn khác của anh VTN (hình như là anh Ls. Phạm/ hoặc Nguyễn Văn H.?) Sau đó, tôi có phụ giúp viết lách với tạp chí Việt của ông VTN, nhưng chỉ một thời gian ngắn thì tạp chí Việt “chết”. Nhân vào dịp cuốn hồi ký của Đỗ Mậu phát hành, ông VTN có yêu cầu tôi viết một bài điểm sách về cuốn hồi ký này, và cũng chính ông là người đầu tiên chở tôi về Fresno giới thiệu và làm quen với ông Đỗ Mậu về sau. (2)

Bài điểm sách “Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi” của ông Vũ thể Ngọc là một bài viết sớm sủa, “nhanh nhẩu” nhất, nhanh ở tốc độ vì vào lúc ấy rất nhiều độc giả chưa hề biết mặt mũi cuốn Hồi ký của Đỗ Mậu ra sao cả; trong đó có vài dòng ông VTN có nêu tên tôi với những lời phát biểu về cuốn sách. Một hậu ý có tính cách tình cảm giữa riêng ông và tôi. Tuy nhiên, một thời gian rất ngắn sau đó, tôi đọc được một bài tạp

ghi của ai đó trên tờ Dân Chúa phát hành ở Gretna, bang Louisiana, ghi lại ý kiến của ông VTN, như một lời nhắc nhở. Lúc ấy, người bạn gái của tôi (chưa thành hôn) vẫn đặt mua đều đặn tạp chí Dân Chúa, qua sự chọn lọc và khuyến khích của tôi, vì cô ấy là một tín đồ Công Giáo La Mã, nên tiện thể tôi vẫn có cơ hội theo dõi tạp chí này thường xuyên –mỗi tháng. Từ các sự kiện đó đã đóng dấu thành một ấn tượng làm những dòng suy nghĩ của tôi bị ngưng đọng, có lúc gần như đông lạnh. Phải mất một thời gian ngắn nữa tôi mới lấy lại tâm tư hưng phấn để viết. Ngang đây thấy cũng cần nói thêm một điều chân thật nữa, là thời gian mượn sách chưa đủ cho tôi đọc một cách cẩn thận, nhưng tôi đã hiểu ‘thăm’ nội dung và lý do tại sao cuốn hồi ký đó ra đời...

Tôi không phải là người viết chuyên nghiệp, lại chưa phải là một cây viết ‘phê bình chính trị sâu sắc’ như đã được dâng tặng. Mặt khác, khi đọc hết phần mở đầu cuốn sách, tôi bị lôi cuốn với một lối hành văn đầy xúc cảm mạnh mẽ về quê cha đất tổ, phong thổ, sông núi hồn thiêng. Quê nội tôi cũng xuất phát từ đó -đất Quảng Bình. Một tình cảm thiên vị đã đến thật bất ngờ. Nhưng tinh thần ấy lại trở về trạng thái tĩnh ngay, vì tôi chợt nhận ra, nếu đọc trong một trạng thái như vậy sẽ tạo một ảnh hưởng liên tục tới hết cuốn sách, mất đi những nhận xét cần thiết và công bằng...

Không một người Việt nào lại không bị ràng buộc, yêu thương nơi chôn nhau cắt rốn. Chính tình yêu nồng nhiệt đó, đã tạo nên một niềm kiêu hãnh đặc biệt tự thân tâm, kinh nghiệm của từng cá nhân. Đó không phải là một khuyết điểm. Nó vốn là đặc điểm đã đẩy tinh thần đoàn kết, quật cường trong một thể nhất thống để đối đầu với nạn xâm lăng. Và cũng nhờ nó, người dân đã tự kết một tinh thần vượt thắng mọi hoàn cảnh, khắc phục thiên nhiên nghiệt ngã, mang lại đời sống xã hội sáng sủa hơn.

Ở khía cạnh chính trị, trái lại, tự nó sẽ mang tới những mâu thuẫn nội tại vốn đã tiềm chứa trong mỗi cá thể, từng địa phương. Như đã nói, vì là niềm kiêu hãnh xuất phát từ sự yêu thương đất nước, nên ai cũng có quyền nói về tình yêu thương đó. Một kiêu hãnh về tình tự đất nước, đây khả ái!

Về mặt văn hóa, chúng ta có thể đón nhận nó với mỗi thiện cảm dễ dàng hơn. Thí dụ, khi đọc những cuốn biên khảo về: “Hà Nội băm sáu phố phường”; “Sài Gòn năm xưa”; “Đất Thần kinh, di tích và lịch sử”; “Đầy Quảng Nam, địa linh nhân kiệt”; “Hương rừng Cà Mau” v.v... mấy ai mà không cảm khái, không ước mơ phải viếng thăm nơi quê hương yêu dấu đó một lần cho biết. Đó là vốn liếng, là gia tài của đất nước.

Thời gian sau đó, tôi đọc được những loạt bài nhận định, phê bình... về tác phẩm của Đỗ Mậu trong một không khí hơi mất thăng bằng, ở hai mặt chỉ trích và khen tặng.

Trong hoàn cảnh như vậy, trước đây tôi hứng khởi viết bao nhiêu, nay ở trong tình trạng cầm bút lên, đặt bút xuống, hay đành phải dẹp qua một bên, đi làm việc khác cho quên đi. Nhưng vì cái nợ nặng của đầu óc, buộc tôi phải nói lên một số cảm nghĩ. Đó là thái độ và tâm trạng của tôi trước khi viết.

Khía cạnh tâm lý tác giả và nguyên nhân tác phẩm:

Như đã thưa, tôi không quen biết với cựu Tướng Đỗ Mậu ở Việt Nam. Chỉ biết được ông qua hình ảnh thành viên trong hội đồng quân nhân đảo chánh chế độ Tổng Thống Diệm. Về cuộc đời cách mạng và tiểu sử của ông, tôi chỉ biết được qua những yếu tố rất căn bản, tượng trưng. Nhưng qua nhận xét của một số người, được biết ông là người hào khí, trong sạch. Về phương diện tuổi tác, ông thuộc vào hàng cha, chú của tôi. Về vị thế xã hội trước 1975, ông vào hàng tướng lãnh, mà tôi chỉ là một người sinh viên còn cấp sách đến trường. Nói vậy không phải là tự đặt trước cho mình một giới hạn về sự nhận xét tác phẩm. Nhưng quả là để có một nhận định đúng đắn, nghiêm chỉnh, chính xác cần phải là người có liên hệ trong cuộc và ở vị trí không thiên kiến.

Tôi được dịp viếng thăm ông Đỗ Mậu cách đây hơn hai năm, cùng đi với một vài anh em, thân hữu. Chưa có cơ hội để trao đổi với ông về một số vấn đề chính trị, thời cuộc mà tôi rất muốn. Tuy nhiên trong lần gặp gỡ đó, đủ để tôi có ấn tượng về hình ảnh của một cụ già với khuôn mặt đầy suy tư, khắc khổ. Dù già, nhưng trong giọng nói còn mang khí tiết. Tất cả những ấn tượng này là sự mến mộ, hoàn toàn cảm tính. Điều làm tôi chú ý hơn hết là ông có đề cập đến cuốn sách mà ông cho biết viết sắp xong. Đối với tâm trạng của một người thích viết lách, sách vở như tôi -tôi nghĩ đó là một giá trị với hình ảnh của ông cựu tướng già đang sống lưu vong nơi đất khách quê người. Tôi có bày tỏ sự mong đợi cuốn sách đó ra đời...

Hai năm sau, cuốn sách đó có mặt. Dĩ nhiên tôi không thể tiên liệu được nó sẽ gây sóng gió trong dư luận như đang diễn ra... Từ không khí sóng gió đó, đặt tôi trước hai điểm cần phân tích :

--Mặt chủ quan:

Qua nội dung tác phẩm, chúng ta có thể khai mở thêm yếu tố tâm lý tác giả : Là sĩ quan cao cấp, nắm giữ chức vụ trọng yếu trong guồng máy chính quyền từ chế độ Tổng Thống Diệm –lại là người có vai trò then chốt trong việc lật đổ chế độ độc tài ấy; nhưng có lẽ vì sự tế nhị qua tính-chất-cơ-quan do ông đứng đầu, tên tuổi ông ít được đánh bóng và nổi bật trong hội đồng quân nhân đảo chánh vào biến cố 1/11/63 !?, trừ một số người có liên hệ đến kế hoạch đảo chánh. Và, nếu tướng Mậu không có cơ hội nói ra những khúc mắc, chi tiết liên hệ chằng chịt chung quanh nó, chắc chắn đến thế hệ về sau cố người biết đến sẽ còn rất ít. Ở điểm này, trên phương diện cá nhân, ông có quyền và có trách nhiệm nói ra những điều đó. Là một giai đoạn lịch sử cần được làm sáng tỏ, không phải để bị nhận chìm. Bởi theo quy luật lịch sử, sự nhận chìm sẽ tạo nên những hoài nghi, những giả thiết lạch lạch, thường gây tai hại hơn có lợi. Tuy nhiên, sự chân xác của nó ở mức độ nào lại là vấn đề khác. Đó là công việc của sử gia sẽ làm sau này. Một mặt, ở phía tinh thần và khí tiết nho phong do ảnh hưởng từ truyền thống, chắc hẳn những ngày qua, tướng Mậu đã gậm nhấm nhiều ray rút, suy gẫm về quãng đời binh nghiệp và chính trị của mình. Ray rút đó đã xuất phát từ

những yếu tố then chốt như, -từ một người đi lính cho thực dân để rồi chuyển hướng qua hoạt động cách mạng! Đó là một lựa chọn hay chỉ là hoàn cảnh xã hội xô đẩy trước áp lực đe dọa, đàn áp của thực dân ? Cố nhiên, trong giai đoạn lịch sử đó phải có những lựa chọn cách mạng tích cực hơn. Chính điều đó là nỗi lòng của tác giả!. Rồi từ việc được móc nối, cộng với ý muốn được tham gia cách mạng chống Tây trong tổ chức của các ông Diệm-Nhu, tướng Mậu đã thừa nhận Ngô Đình Diệm như một đối tượng có thể lãnh đạo –để sau đó qua tiến trình cuốn hút trong sự hợp tác, cho đến khi nắm được quyền lực, tác giả mới vỡ lẽ đó chỉ là một chế độ ‘độc tài, thối nát.’ Từ chuyển biến nhận thức qua thực trạng chính trị trước mặt đó, đã tạo nhân tố đưa tướng Mậu tới ý chí quật khởi. Yếu tính của cách mạng là hành động, mà tướng Mậu đã mang sẵn tâm chất cách mạng, do vậy từ chuyển biến tư tưởng qua hành động chỉ trong gang tấc. Nhưng trong lúc này đây, với số tuổi chông chất, với những niềm đau chính trị trong quá khứ, tướng Mậu đã nhìn lại nó qua ký ức như một cơn giao động đối kháng tư tưởng giữa tinh thần “trung quân” và cách mạng, mà tác giả đã tự đặt ra cho mình. Dĩ nhiên cách mạng phải thắng thế qua thực chứng lịch sử cũng như trong tinh thần lý luận mà không tránh khỏi những rơi rớt xót xa tự đáy lòng. Từ đó, đưa tới những cơn xúc động như thủy triều đổ ập lên những ân tình vốn nhẹ hơn vận mệnh của đất nước, dân tộc. Làm sao dư luận bên ngoài có thể tự đặt cho mình một tâm trạng phức tạp như vậy!?

--Mặt khách quan:

Nếu tự đặt mình vào địa vị của quá khứ -trong tâm cảm của những người ở thế hệ tướng Mậu, mấy ai không chạnh lòng khi nhớ tới quê nhà. Mấy ai không đau niềm đau nhớ nước. Nhớ, rồi đối chiếu nỗi nhớ đó trong hệ thống ký ức, chắc hẳn tướng Mậu cũng như bao vị chính khách khác, đã buồn, tủi, hận –tùy theo mức độ xúc cảm. Ở trong cái nhìn chủ quan của mỗi người, tự đặt ra cho chính mình những vấn nạn và tự trả lời. Không biết bao nhiêu chữ “nếu” đã đến trong đầu, không biết bao nhiêu giả thiết đã đặt ra –phải như thế này, ước gì như thế nọ. Họ hận chính mình, hận cả thân hữu, cấp trên cấp dưới, hận cả đồng minh; ước gì không có tham nhũng, thối nát, gia đình trị, kỳ thị chính trị... thì đầu ra nông nổi.

Cả mấy năm trời dằng dặt như thế đã gặm nhấm và ăn mòn tâm trí, phụ họa với bối cảnh nhạt nhẽo, vô vị buồn chán nơi quê người, mấy ai không có lúc nghĩ mình hãy viết ra tất cả những âm ức đã chất chứa quá đầy, nhất là những người còn liêm sỉ, tiết tháo. Vì vậy, chúng ta không ngạc nhiên khi thấy tác phẩm VNMLQHT ra đời. Hồi ký là phương tiện duy nhất, qua đó tác giả có thể gửi gắm tâm sự của chính mình.

Nhận xét về một chế độ chính trị qua sử liệu và suy niệm từ lịch sử:

Trong khoảng năm 1972, tôi nhớ có đọc một bài báo của Nguyễn mạnh Côn ở tập san Quốc Phòng với tựa đề, “Cai trị và Chính trị” –đó là thời điểm ước muốn hòa bình của dân chúng miền Nam lên cao nhất, song song với tinh thần phát triển kinh tế hậu

chiến... Mở đầu bài viết, ông Côn đã đưa ra hai tiền đề khác nhau về quan điểm: Một, từ phía lãnh tụ cộng sản, họ nói: -Nếu có một chế độ cai trị tốt, người ta không cần phải làm chính trị. Hai, từ phía một lý thuyết gia Tây phương: -Nếu có một chế độ chính trị tốt người ta không cần phải cai trị. Tất nhiên, ông Côn cho rằng tiền đề 'một' chỉ nhằm vào mục tiêu tuyên truyền, vì thế nào là một chế độ cai trị tốt, không thấy họ (cộng sản) nêu ra; và lý luận như vậy cốt là để hỗ trợ cho việc phủ nhận đối lập chính trị. Thành ra, ông coi tiền đề thứ hai như là nền tảng cho việc suy tưởng của ông về mục tiêu thực hiện một cuộc cách mạng hành chính, cải tổ guồng máy công quyền từ trung ương tới địa phương. Ông nhìn nhận có một hiện tượng khủng hoảng lãnh đạo, guồng máy hành chính trì trệ, cán bộ thiếu phẩm chất cả tài lẫn đức. Ông đưa ra một nội dung cải tổ sâu rộng về tổ chức, huấn luyện, tái đào tạo cán bộ nhằm đạt tới ý nghĩa của tiền đề thứ 'hai' –là mang lại một chế độ chính trị tốt. Thực tế, với tham vọng trở thành lý thuyết gia chính trị ở miền Nam, trong thâm ý ông Côn còn muốn đi xa hơn nữa, là muốn biến thể ý niệm quyền lực chính quyền trở thành một bộ phận, cơ cấu quản trị, điều hành. Khi hình thái quyền lực không còn hiện hữu ở chính quyền nữa, vấn đề đối lập sẽ bị "bão hòa" và tự cô lập để biến mất. Xuất phát từ những hoài bão đầy lý tưởng, ông Côn đi từ ảo tưởng này qua ảo tưởng khác. Trên thực tế, những chương trình ông vạch ra chẳng bao giờ thực hiện trọn vẹn hay đạt thành quả. Điều đó sẽ được chúng tôi đề cập xa hơn ở các bài khác. Ngang đây có thể ngừng lại, qua dữ kiện trên, đặt vấn đề: -từ ngày khởi điểm chế độ cộng hòa đến thời gian (ông Côn viết bài khảo cứu trên) mất 13 năm, mà phải đặt lại nền móng chính trị dân chủ, nhìn nhận khủng hoảng lãnh đạo! -Điều đó nói lên chế độ chính trị miền Nam đã không có thực tính chính trị xây dựng từ dân tộc. Nói cách khác, không có một chính nghĩa dân tộc để nhờ đó nhân dân miền Nam, có thể tự động kết hợp, hậu thuẫn chính quyền và chế độ. Như vậy, nhân dân và chính quyền trở thành hai thực thể riêng biệt, nếu không nói là đối lập. Sự tách biệt này đã trở nên hiện thực, khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm về nước nắm chính quyền. Tổng Thống Diệm, ngoài cái vỏ đạo đức, luân lý, chỉ là một người "ù lý", thiếu năng động của một nhà lãnh đạo giỏi, quyền biến, đòi hỏi ở một giai đoạn lịch sử cam go –một chuyển mình từ phong kiến bước qua dân chủ còn phôi thai. Thật ra, vai trò của Tổng Thống Diệm có thể rất thích hợp trong một chế độ quân chủ, đất nước an bình. Bởi vì trách nhiệm của TT Diệm chỉ là giải quyết những công việc hành chính một cách cần cù, siêng năng hơn là vai trò của một người "trị quốc". Điều đó biểu lộ rất rõ qua thông điệp gửi đồng bào, TT Diệm đọc trên đài vô tuyến: "...Tôi thức khuya, dậy sớm, cần mẫn chăm lo việc nước hàng ngày, hàng tháng. Nếu ai cũng như tôi vậy thì quốc gia này sẽ sớm đi tới thịnh vượng, phú cường..." Bỏ công để phân tích ở tinh thần thông điệp trong đoạn văn này, có thể thấy TT Diệm thua rất xa một số minh quân trong lịch sử Việt. Ý thức "trị quốc" của họ là "ý dân là ý Trời"; "Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh."... Tổng Thống Diệm lập điều đó một cách trái nghịch, "ý Tôi cũng là ý Dân!" "Tôi" là mẫu mực của thiên hạ, những điều Tôi làm đều đúng, Dân phải nghe theo. Đó là quan niệm làm Vua độc tôn, cách chất phác lỗi thời. Ông Ngô Đình Nhu thì trái lại, tinh tế hơn. Được coi như nhân tố chính của chế độ, Ông muốn thực hiện hình thức chính quyền độc đảng, khủng bố, triệt hạ các thành phần đối lập chính trị khác. Điều đó dễ hiểu, vì với mô kiến thức

sách vở của ông, ông nghĩ phải có một chế độ đảng trị làm nền móng cho chính quyền, thực hiện chính sách. Dân phải “căn răng” nghe theo, Dân phải bị khuất phục. Ông Ngô Đình Nhu nghĩ đó là biện pháp may ra có thể xây dựng một chế độ mạnh, đủ lực để đương đầu với Hà Nội. Trên thực tế, ở khía cạnh tâm lý và tư tưởng, ông Nhu bị mặc cảm nhiều với những nhân vật lãnh đạo Cộng sản. Mặc cảm ông Nhu xuất phát từ hai điểm: -Về tôn giáo: Với một sở học và kiến thức rộng rãi qua sách vở, hơn ai hết, ông Nhu chịu đựng sự xung đột tư tưởng giữa vai trò của các giáo sĩ và quân đội thực dân Pháp trong ý muốn xâm lược trên thế giới. Như một số người có lương tri khác, chắc hẳn ông có cay đắng về niềm tin tôn giáo mà gia đình và ông đã “đi theo.” Đạo lý của Thiên Chúa và ý đồ chính trị thực dân là hai yếu tố đối nghịch. Ông Nhu biết rằng cuộc cách mạng Pháp đã đảo ngược vai trò quyền lực của giai cấp tăng lữ, nhưng trên thực tế, cho tới thế kỷ 19, tăng lữ vẫn còn là giai cấp rất được kính nể và có ảnh hưởng tới chính trị. Làm sao có thể giải thích để tách rời được vai trò tôn giáo và sức mạnh sủng đạ của thực dân là hai mặt ‘riêng biệt’. Dầu sao niềm tin tôn giáo là sức mạnh tinh thần không thể vượt qua. Do đó, ông Nhu phải tìm lý lẽ để biện minh, giải trừ vấn nạn. Đó là yếu tố then chốt để thuyết Nhân Vị ra đời.

..... (3)

Trên căn bản tư tưởng, Ông Ngô Đình Nhu hiểu rằng, mặc dù Cộng sản và Nhân vị là hai lập trường đối nghịch. Nhưng sự đối nghịch đó xuất phát tiềm tàng từ ngay mâu thuẫn nội tại trong lòng xã hội Tây phương. Việt Nam vốn chưa bao giờ bị căn bệnh mâu thuẫn đó. Bởi vậy, với thái độ của kẻ đến sau, và bị choáng váng bởi hào quang kháng chiến, với thắng lợi và chính nghĩa mà Việt Minh “cổ” tạo ra được; thêm lẫn nữa mặc cảm lại chông chắt lên người ông. Ông Nhu đã bỏ rất nhiều tâm sức để suy tư về một “kẻ thù kinh khủng”, nhưng lòng vẫn kính phục. Vì vậy, ông đã không ngần ngại khi phát biểu, “Tôi chống chủ nghĩa cộng sản, nhưng không chống người cộng sản. Họ là những anh em đi lạc đường...” Sau này khi ý thức dấu hiệu mất sự hỗ trợ của Mỹ, ông Nhu tìm cách “thỏa hiệp ngầm” với Hà Nội. Ở điểm này, người ta có thể ghi nhận, ông Nhu là người tiên phong nhận thấy được mâu thuẫn của dân tộc và tìm kiếm một giải pháp vượt ra khỏi tầm tay của chính mình.

Khi lý thuyết Nhân Vị đang ở cao trào, dĩ nhiên họ khó chấp nhận một sức mạnh tinh thần nào khác, biểu trưng là Phật Giáo, chính trị đối lập. Đối lập chính trị và Phật Giáo phản ứng, chế độ đàn áp –nhân tố đầu tiên đã đưa tới sự tách rời hoàn toàn giữa thực thể người dân và chính quyền. Cho đến các giai đoạn về sau, khi chế độ Tổng Thống Diệm bị sụp đổ, các tướng tá lên nắm quyền, tình trạng chính trị còn tệ hơn; bởi vì, như đã trình bày ở trên, dù yếu, nhưng ông Ngô Đình Nhu còn có một lý thuyết và một tổ chức đảng trị để cầm hơi...

Năm 1965, Mỹ bắt đầu đổ quân vào Việt Nam gây ra những xáo trộn về văn hóa và đời sống –những tệ trạng khó tránh khỏi do sự hiện diện của quân đội viễn chinh. Sự gia tăng chiến tranh và khủng bố của cộng sản, đã tạo nên nhân tố thứ hai, biến

những thành phần trí thức thành thị tích cực hơn trong thể đối lập với chính quyền. Nông thôn trở thành địa bàn của các tổ chức cách mạng và cộng sản chống lại chính quyền quốc gia.

Thành ra dòng sinh mệnh của các chế độ chính trị miền Nam đã được giống già trước một hồi chuông báo tử. Có người sẽ đặt lại vấn đề : -Chính người Mỹ đã làm sụp đổ chế độ Tổng Thống Diệm để tạo cơ hội can thiệp vào Việt Nam. Nếu điều đó đúng, càng chứng tỏ chúng ta không thể có chính nghĩa. Hoặc có kẻ đổ lỗi vì lý do Phật Giáo tranh đấu, đối lập chính trị tranh dành, cộng sản giựt dây phá hoại –điều đó càng chứng tỏ chế độ của Tổng Thống Diệm chưa phải là chế độ của toàn thể dân chúng và không đủ lực để tranh đấu với cộng sản.

Trở về chế độ đệ nhị cộng hòa, do ông Thiệu cầm đầu chỉ là sự tiếp nối, đón nhận một sự đổ vỡ, tan rã và mất chính nghĩa do chế độ của Tổng Thống Diệm để lại. Chế độ ông Thiệu kéo dài gần 8 năm, với bề mặt trông có vẻ vững chắc là nhờ sự hiện diện của quân đội Mỹ, được tiếp hơi về vật chất và tiền bạc. Tất cả những thủ thuật chính trị của ông Thiệu chỉ là điều nhỏ nhặt, tiểu tiết không đáng nói tới. Khi đã không có chính nghĩa, tất cả các thủ đoạn để hạ đối lập, tranh thủ quyền lợi, quyền lực với các chiến hữu của mình chỉ là cuộc đánh cờ với thời gian. Vì vậy, khi người Mỹ thấy có đủ lý do để buông thả Việt Nam, chế độ ông Thiệu cũng buông theo.

Điều mà chúng ta cần ghi nhận ở đây là sự hy sinh đau đớn của các thế hệ thanh niên Việt Nam –họ là những quân nhân trẻ, chịu thiệt thòi hy sinh xương máu quá nhiều cho một quãng lịch sử thối nát, vô nghĩa.

Chế độ cộng sản hiện thời chỉ là biến tướng chính trị của chế độ miền Nam ngày trước. Cũng tham nhũng (thật ra tham nhũng kinh hoàng hơn !), thối nát, kỳ thị chính trị, người lãnh đạo không thực tâm yêu dân, cứu nước. Như vậy, tiền đề ‘một’ mà Nguyễn mạnh Côn cho là tuyên truyền, có lẽ đã được chứng minh. Nói cách khác, nếu người cộng sản còn nghĩ tới cơ hội để xây dựng một “chế độ cai trị tốt”, họ cần phải có đối lập chính trị, chấp nhận thực thể đối lập chính trị dân tộc để chuyển mình. Nếu không, họ cũng sẽ tan rã.

Những chi tiết mà ông Đỗ Mậu đưa ra chỉ làm sáng tỏ thêm một thất bại, sụp đổ chính trị không thể tránh khỏi. Phản ứng của người đọc đây sôi nổi, hẳn học, đổ kị... phát xuất từ những định kiến chính trị quá khứ. Vốn là một dân tộc đã bị đánh mất ‘thực tính văn hóa’ của mình từ mấy thế kỷ về trước, những mâu thuẫn như trên chỉ là hiện tượng trên bề mặt. Nhưng chừng nào chúng ta không nhận chân được điều đó, việc ngồi lại với nhau để tìm kiếm cho một giải pháp về VN chỉ là chuyện ảo tưởng.

Nguyễn Văn Hóa

(1986 – đã quên mất ngày viết)

☼ Vài lời ghi chú cho lần đăng lại này (đêm 11.12.2006):

- (1) Nói cho đúng nghĩa thì đây không phải là một bài "điểm sách", vì vậy ở tựa đề tôi chỉ ghi "*vài cảm nghĩ/ suy nghĩ qua dư luận...*" Khi viết xong, tôi có gửi cho tờ Dân Tộc (của Hà túc Đạo và ông Nguyễn xuân Phác chủ trương), và với lời yêu cầu của nhà văn VTN, có gửi cho tờ Việt Press của Nguyễn T.A. (tôi nhớ là ông VTN lấy một bản copy của tôi và gửi cho họ thì phải?), và tờ Chấn Hưng PG của anh em thân hữu ở Nam Cali, nhưng có lẽ vì tờ Việt Press đã đăng trước rồi, nên CH không đăng. Đặc biệt tôi có gửi cho anh HNN ở Úc, sau đó anh HNN có cho đăng trên tờ Pháp Bảo của Hội PGVN phát hành từ N.S.W/ Úc (số Phật Đản 2531 –trong bài viết ghi là tháng 2/1987), nhưng anh HNN có cho bỏ bớt một vài chỗ -có lẽ để cho câu văn 'tròn trịa' hơn! Tôi tin tưởng anh ấy, nên không thắc mắc gì, nhưng dù sao -tôi nghĩ cứ để cho thấy vài chỗ "vụng về", nhưng chân thật thì vẫn hơn. Cũng bởi vì không phải là một bài "điểm sách" cho nên, tôi cố tình 'phớt' qua phần nói về biến cố đàn áp và cuộc tranh đấu của Phật Giáo. Thật lòng, nói ra càng thêm nhức nhối mà thôi.
- (2) Ở phần mở đầu này, tôi có thêm một vài chi tiết nhỏ cho rõ thêm, tôi viết trong hoàn cảnh nào; ngoài ra, tất cả đều giữ nguyên như bài viết cũ để giữ tinh thần trung thực của một bài viết đã qua hai thập niên.
- (3) Trong bản văn cũ, ở đoạn này, tôi ghi một tiểu đề phụ là "Về cách mạng", nhưng thấy không cần thiết nên nay bỏ đi!